TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75 /2024/HS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Quang Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sỹ.

2. Ông Nguyễn Ron.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hạnh - Thư ký của Toà án nhân dân Tp. Quy Nhơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn***: Ông Dương Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/TLST - HS ngày 31 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/HSST-QĐHPT ngày 27 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Đức T, giới tính: Nam, sinh ngày 09/7/1983, tại: tỉnh T; Nơi đăng ký HKTT: thôn M, xã V, huyện V, tỉnh T; Nơi cư trú: Ấp H, xã G, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Đức T (chết) và bà: Vũ Thị T, sinh năm 1959; Vợ: Tăng Thị A, sinh năm 1980; Con: 01 người, sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 17/11/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng án treo, 18 tháng thử thách về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong.

+ Ngày 14/3/2010, Công an huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong.

+ Ngày 22/10/2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 28/4/2017, chấp hành xong án phạt tù.

+ Ngày 02/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt 27 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 18/7/2019, chấp hành xong án phạt tù.

+ Ngày 27/02/2023, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Phong, Bình Thuận khởi tố vụ án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

+ Ngày 31/7/2023, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Cam Lâm, Khánh Hòa khởi tố vụ án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ, khởi tố chuyển tạm giam từ ngày 26/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Tp. Quy Nhơn. "Có mặt"

2. Họ và tên: Vũ Văn Q, giới tính: Nam, sinh ngày 09/5/1981; Tại: tỉnh T; Nơi đăng ký HKTT: thôn M, xã V, huyện V, tỉnh T; Nơi cư trú: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Vũ Văn L (chết) và bà: Đặng Thị M, sinh năm 1944; Vợ: Trần Thị T, sinh năm 1987; Con: 02 người (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 17/11/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 15 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 30/8/2007, chấp hành xong án phạt tù.

+ Ngày 27/02/2023, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Phong, Bình Thuận khởi tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

+ Ngày 31/7/2023, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Cam Lâm, Khánh Hòa khởi tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị khởi tố, đầu thú, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 18/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Tp. Quy Nhơn. "Có mặt"

- *Bị hại:*

1. Anh Lê Văn T, sinh năm 1984. Trú tại: 93 Hoa L, phường Đ, Tp. Q, tỉnh B. "Có mặt"

2. Chị Trảo Thị Phương N, sinh năm 1986. Trú tại: 93 Hoa L, phường Đ, Tp. Q, tỉnh B. "Có mặt"

3. Anh Lý Thế L, sinh năm 1974. Trú tại: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh P. "Có mặt"

4. Chị Huỳnh Thị Hồng H, sinh năm 1978. Trú tại: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh P. "Vắng mặt"

5. Anh Tô Ngọc S, sinh năm 1980. Trú tại: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh P. "Có mặt"

6. Chị Văn Thị Tường V, sinh năm 1981. Trú tại: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh P. "Vắng mặt"

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Tăng Thị A, sinh năm 1980. Trú tại: Xóm 2A, thôn D, huyện D, tỉnh N. "Có mặt"

2. Chị Trần Thị T, sinh năm 1987. Trú tại: thôn M, xã V, huyện V, tỉnh T. "Vắng mặt"

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Sỹ T, sinh năm 1970. Trú tại: Ấp H, xã G, huyện T, tỉnh Đ. "Vắng mặt"

2. Anh Võ Anh D, sinh năm 1992. Trú tại: Xóm 9, Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh N. "Vắng mặt"

3. Anh Hoàng Tiến D, sinh năm 1978. Trú tại: 189, Tổ 10, Khu phố 5A, phường L, Tp. B, tỉnh Đ. "Vắng mặt"

4. Chị Nguyễn Ái K, sinh năm 1993. Trú tại: 07 Nguyễn Tri P, phường N, thị xã A, tỉnh B. "Vắng mặt"

5. Bà Nguyễn Như M, sinh năm 1953. Trú tại: Khu phố B, phường H, huyện Đ, tỉnh P. "Vắng mặt"

6. Ông Trần Văn H, sinh năm 1968. Trú tại: Tổ 10, Khu phố 8, phường N, Tp. Q, tỉnh B. "Vắng mặt"

7. Anh Dương Chí C, sinh năm 1993. Trú tại: 510/3 Trần P, phường B, thị xã , tỉnh B. "Vắng mặt"

8. Chị Nhữ Thị T, sinh năm 1966. Trú tại: Thôn 3, xã Q, huyện Q, tỉnh N. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, Vũ Văn Q gọi điện thoại rủ Phạm Đức T đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, T đồng ý. Cả hai bàn bạc sẽ đi dọc tuyến Quốc lộ 1A, tìm đến các công trình đang xây dựng và điểm thu mua phế liệu, giả làm trợ lý giám đốc và giám đốc công trình cần thanh lý sắt để chiếm đoạt tiền của người mua, tiền có được sẽ chia đôi. Sau khi bàn bạc xong, T và Q mua tập Phiếu xuất kho, mũ bảo hộ lao động, quần tây, áo sơ mi trắng, túi xách (dùng để đựng tiền), 02 thẻ sim điện thoại "0705301775" và "0706079498" rồi đi từ tỉnh Đồng Nai bằng xe môtô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 37L1-331.20 (xe của T mua lại, làm chủ sở hữu) và xe môtô hiệu Yamaha Sirius (không rõ biển số, xe của Q, không thu hồi được) dọc theo Quốc Lộ 1A hướng về phía Bắc để thực hiện ý định của mình.

Sáng ngày 20/3/2023, Q và T đi đến TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định rồi chia nhau đi tìm các công trình đang thi công và các điểm thu mua phế liệu. T đi

dạo dọc đường Hoa Lư, P. Đống Đa, TP. Quy Nhơn thấy có nhiều công trình đang thi công nên tìm đến một tiệm phế liệu gần đó, giả vờ muốn bán sắt. Tuy nhiên, người phụ nữ chủ tiệm (chưa rõ lai lịch) không mua. T hỏi người phụ nữ này số điện thoại của những người mua sắt gần đây thì được người này cho số điện thoại "0386740537" của anh Lê Văn T (sinh năm: 1984; nơi thường trú: thôn M, xã C, huyện P, tỉnh B - chủ tiệm mua bán phế liệu tại 93 Hoa Lư, P. Đống Đa, TP. Quy Nhơn).

Khoảng 08 giờ 25 phút cùng ngày, T sử dụng số điện thoại "0705301775" gọi đến số điện thoại "0386740537" của anh Lê Văn T tự xưng là Giám đốc Công ty đang thi công tại công trình bờ kè Hoa Lư. T nói công trình Tâm thi công đang dư sắt, cần thanh lý để nhập sắt mới về. Anh T tưởng thật nên đồng ý mua. T nói một lúc nữa sẽ cho công nhân xuống gặp anh T trao đổi việc mua bán. Sau đó, T điện thoại thông báo cho Q biết đã có người mua sắt rồi gửi số điện thoại anh T cho Q. Q sử dụng số "0706079498" gọi điện cho anh T, tự xưng là Trợ lý giám đốc, hỏi địa chỉ tiệm của anh T để đến bàn bạc. Khoảng 9 giờ 00 phút cùng ngày, Q đi xe mô tô hiệu Sirius (chưa rõ biển số) đến tiệm anh T, thương lượng giá cả mua bán sắt là 8.500 đồng/01 kg. Sau đó, Q dẫn anh T đến các công trình đang thi công tại đường Hoa Lư và đường Điện Biên Phủ, TP. Quy Nhơn chỉ vào các đống sắt bên trong công trình nói dối là của công ty mình. Anh T tưởng thật nên đồng ý mua 30 tấn sắt rồi về nhà chuẩn bị tiền.

Quý kể lại sự việc cho T biết. Trong lúc chờ anh T chuẩn bị tiền, T viết sẵn Phiếu xuất kho 31,35 tấn sắt gồm: sắt Ø10 4,2 tấn, sắt Ø14 1,4 tấn, sắt Ø18 11,5 tấn, sắt Ø25 2,25 tấn, sắt Y-U hình phế liệu 12 tấn, tổng số tiền là 266.475.000 đồng, rồi T ký giả tên Trần Quốc T phía dưới.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, Q chạy xe mô tô Sirius (chưa rõ biển số) dẫn anh T cùng vợ là chị Trảo Thị Phương N (sinh năm: 1986; nơi thường trú: thôn M, xã C, huyện P, tỉnh B) đến trước Công trình đang thi công ở đường Điện Biên Phủ nối dài thuộc P. Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn. Tại đây, T đợi sẵn, chạy xe môtô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, biển số 37L1-331.20, đội mũ bảo hộ lao động, mặc quần tây, áo sơ mi, giả làm Giám đốc đi từ hướng công trình ra. Q giới thiệu Tâm là "sếp" của mình. T giả vờ nói Q vào trong bốc sắt sẵn lên xe nên Q chạy xe của mình vào phía trong công trình rồi tẩu thoát trước. T nói dối sẽ xuất kho, bán 31,35 tấn sắt cho anh T với giá 266.475.000 đồng và yêu cầu vợ chồng anh T ứng trước tiền, khi nào nhận hàng sẽ đưa số tiền còn lại. T lấy ra Phiếu xuất kho đã ghi sẵn số lượng sắt bán, yêu cầu anh T ký tên. Anh T yêu cầu T phải ghi nội dung đã nhận tiền để làm tin. Để vợ chồng anh T tin tưởng và đồng ý giao tiền, T tự ghi vào sau Phiếu xuất kho "tôi Trần Quốc T đã nhận số tiền là 200.000.000 đồng" rồi giả ký tên Trần Quốc T. Vợ chồng anh T nhận tờ Phiếu xuất kho này, tin tưởng là thật nên chị N đã đưa cho T số tiền 200.000.000 đồng. Khi đang giao tiền, chị N dùng điện thoại chụp lại hình ảnh của T. Sau khi giao tiền xong, anh T nhận được điện thoại từ Q nói vào bên trong nhận sắt. Khi vợ chồng anh T vừa đi thì T liền lên xe tẩu thoát. Vợ chồng anh T đi vào bên

trong công trình không thấy Q, không có xe bốc sắt, quay ra tìm T thì cũng không thấy. Anh T gọi điện cho Q nhưng không liên lạc được. Biết mình bị lừa nên anh T đã đến Công an P. Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn tố giác sự việc.

Sau khi lừa được tiền, T và Q hẹn gặp nhau tại huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Ngày 21/3/2023, T cùng Q quay trở lại tỉnh Đ. Trên đường đi, T vào cửa hàng chuyển tiền nhanh chuyển vào tài khoản Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số "198109888" của Quý số tiền 100.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản Ngân hàng TMCP Quân Đội số "233198033333" của Tăng Thị A (sinh năm: 1980; nơi thường trú: Xóm 2A, xã D, huyện D, tỉnh N - vợ của T) số tiền 100.000.000 đồng. Sau đó, Q chuyển số tiền 100.000.000 đồng do lừa đảo có được vào tài khoản Ngân hàng Agribank số "3400205239960" của Trần Thị T (sinh năm: 1987; nơi thường trú: thôn M, xã V, huyện V, tỉnh T - vợ của Q). Ngày 25/3/2023, T đi xe môtô biển số 37L1-331.20 quay lại phòng trọ ở Ấp Hòa Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì bị Cơ quan Công an phát hiện, đưa về làm việc; riêng Q sau khi gây án đã bỏ trốn, bị Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn ra Quyết định truy nã. Đến ngày 18/10/2023, Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Quy Nhơn đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi phạm tội tại TP. Quy Nhơn vào ngày 20/3/2023, Phạm Đức T cùng Vũ Văn Q thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản với thủ đoạn tương tự tại thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 17/10/2022, T điều khiển xe môtô biển số 37L1-331.20 và Q điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đi từ tỉnh Đồng Nai đến thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. T và Q chia nhau đi tìm công trình đang xây dựng thì phát hiện công trình đang xây dựng ở thôn Phú Khê 2, xã Hòa Xuân Đông, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên để nhiều sắt, thép. Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, Q đến tiệm phế liệu của anh Lý Thế L (Sinh năm: 1974; Nơi thường trú: Thôn B, xã H, thị xã Đ, tỉnh P) nói dối có sắt cần bán và sẽ dẫn anh L đến công trình xem sắt. Q thỏa thuận sẽ bán cho anh L trên 20 tấn sắt với giá 7.000 đồng/1 kg và yêu cầu anh L chuẩn bị tiền. Anh L tưởng thật nên chuẩn bị 50.000.000 đồng để đặt cọc tiền mua sắt. Khoảng 16 giờ cùng ngày, Q dẫn anh L đến công trình ở thôn Phú Khê 2, xã Hòa Xuân Đông, thị xã Đông Hòa gặp T và giới thiệu T là sếp của Q. T nói dối Công ty có trên 20 tấn sắt cần bán, xe của Công ty sẽ chở đến trạm để cân rồi tính tiền và yêu cầu anh L đặt cọc 50.000.000 đồng. Anh L tưởng thật nên đưa cho T 50.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T nói anh L chạy xe theo sau xe của Q để nhận sắt rồi tẩu thoát trước. Q cũng nhân lúc anh L chạy xe không theo kịp để tẩu thoát. Tiền chiếm đoạt được, T và Q chia đôi mỗi người 25.000.000 đồng. T và Q đã tiêu xài hết số tiền này.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 18/3/2023, T điều khiển xe mô tô biển số 37L1-331.20 và Q điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đi từ tỉnh Đồng Nai đến thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. T và Q chia nhau đi tìm công trình đang xây dựng và điểm thu mua phế liệu. Khi Q đến khu công nghiệp "Hòa Hiệp" thuộc

khu phố Phước Lâm, phường Hòa Hiệp Bắc, thị xã Đông Hòa thì thấy công trình Công ty Attar đang xây dựng để nhiều sắt, thép nên gọi điện báo cho T biết. T bảo Q đi tìm người mua phế liệu, còn T tiếp tục đi tìm công trình xây dựng khác. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Q đến cơ sở thu mua phế liệu của anh Tô Ngọc S (Sinh năm 1980; nơi thường trú: khu phố P, phường H, thị xã Đ). Q (giả tên Quyết) gặp anh S nói có bán sắt phế liệu tại Khu công nghiệp "Hòa Hiệp" thì anh S đồng ý mua. Sau đó, Q dẫn anh S đến khu vực công trình đang xây dựng Công ty Attar, chỉ vào các đống sắt, nói dối là của Công ty mình. Anh S tưởng thật nên đồng ý mua 20 tấn sắt với giá 8.500 đồng/1kg, tổng tiền mua là 170.000.000 đồng. Lúc này, Q gọi điện cho T rồi giới thiệu T (giả tên T) là cấp trên của Q và đưa điện thoại cho anh S nói chuyện với T. T tự xưng là chủ đầu tư xây dựng Công ty Attar, giả vờ hỏi anh S có đồng ý mua sắt với giá 8.500 đồng/1kg hay không. Khi anh S đồng ý mua thì T nói anh S chuẩn bị tiền và hẹn sáng ngày 19/3/2023 quay lại địa điểm cũ giao dịch.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 19/3/2023, Q gọi điện rồi dẫn anh S đến khu vực công trình xây dựng Công ty Attar gặp T. T giả vờ nói Q vào bên trong công trình bốc sắt lên xe để tẩu thoát trước. T đưa Phiếu xuất kho đã ghi sẵn số lượng sắt bán là 20 tấn, giá tiền 8.500 đồng/1kg, tổng cộng tiền là 170.000.000 đồng cho anh S xem. Anh S tưởng thật nên đưa cho T 130.000.000 để đặt cọc và ký tên vào tờ Phiếu xuất kho, ghi nợ lại số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, T hẹn anh S ra cổng sau để chở hàng rồi lên xe tẩu thoát. Số tiền chiếm đoạt được, T và Q chia đôi mỗi người được 65.000.000 đồng. Ngày 19/3/2023, Q nhờ T vào cửa hàng chuyển tiền nhanh để chuyển số tiền 60.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam số "198109888" của Q. Sau đó Q tiêu xài cá nhân hết số tiền chiếm đoạt được. Ngày 22/3/2023, T chuyển vào tài khoản Ngân hàng TMCP Quân Đội số "233198033333" của Tăng Thị A số tiền 30.000.000 đồng đã chiếm đoạt được từ anh S. Còn lại số tiền 35.000.000 đồng, T tiêu xài đến khi bị bắt còn lại 23.865.000 đồng.

Tổng số tiền T và Q đã chiếm đoạt trong 03 vụ nêu trên là 380.000.000 đồng.

Tại Cơ quan CSĐT Công an TP. Quy Nhơn, các bị can Phạm Đức T, Vũ Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Quá trình điều tra, xác định được với thủ đoạn tương tự, Phạm Đức T cùng Vũ Văn Q còn thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận và 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, cụ thể:

- Vụ tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận: Vào ngày 30/10/2022, Phạm Đức T cùng Vũ Văn Q đã lừa ông Lê Văn T (sinh năm: 1988; nơi thường trú: thôn V, xã V, huyện T, tỉnh B) số tiền 330.000.000 đồng tại huyện T, tỉnh B. T và Q chia đôi mỗi người 165.000.000 đồng. Ngày 27/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và ngày 27/6/2023 đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm

Đức T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

- 02 vụ tại huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa:

+ Vào ngày 12/8/2022, Phạm Đức T cùng Vũ Văn Q đã lừa bà Châu Thị Thu H (sinh năm: 1968; nơi thường trú: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh K) số tiền 280.000.000 đồng tại huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. T và Q chia đôi mỗi người được 140.000.000 đồng.

+ Ngày 17/3/2023, Phạm Đức T cùng Vũ Văn Q đã lừa bà Lê Thị Mỹ T (sinh năm: 1977; Nơi thường trú: Thôn M, xã B, huyện D, tỉnh K) số tiền 90.000.000 đồng tại huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. T và Q chia đôi mỗi người được 45.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, T đã chuyển vào tài khoản ngân hàng TMCP Quân Đội số "233198033333" của Tăng Thị A vào ngày 17/3/2023. Ngày 31/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự đối với 02 vụ án nêu trên.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP. Quy Nhơn đang tạm giữ: 01 USB hiệu KioXia màu trắng chứa 04 đoạn video được trích xuất từ Camera an ninh của Công an P. Nhơn Bình. 01 đĩa DVD, 05 hình ảnh kích thước 17,5x12,5cm (hình ảnh Phạm Đức T đang nhận tiền vào ngày 20/3/2023 do chị Trảo Thị Phương N chụp lại). 01 tờ Phiếu xuất kho màu hồng kích thước 17,5x15,5cm từ anh Lê Văn T. 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có gắn một hột đá màu đỏ hình chữ nhật mài cong, hai cạnh dài, hai bên thân nhẫn có gắn 04 viên đá màu trắng nhỏ. 01 đồng hồ mặt tròn, loại có 03 kim, màu trắng bạc, mặt đồng hồ màu đen, trên mặt có in dòng chữ Ttan dưới vị trí 12 giờ và dòng chữ WR50m trên vị trí 6 giờ, dây đồng hồ loại dây da màu đen. 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc, loại dây mắc xích hình số 8, có mặt dây chuyền hình lục giác có điêu khắc hoa văn viền ngoài, hai con rồng hai bên và một viên đá hình oval màu xanh ở giữa tâm, ở trên và ở dưới hột xanh có đính 02 viên đá màu trắng nhỏ. 01 vòng hạt đeo tay có 15 hạt bằng đá màu vàng-đen, có 02 hạt bằng kim loại màu vàng đánh vân, 01 hạt kim loại màu vàng lớn hơn có điêu khắc hình mặt giống người và chữ tượng hình. 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, biển số 37L1-33120, số máy: 5C6K-078428, số khung: ODY-078417, gắn 02 gương chiếu hậu, loại niềng đúc 5 cây màu đen, hai phuộc sau được bọc trụ kim loại, bên ngoài màu trắng bạc đã qua sử dụng. 01 móc khóa bằng kim loại màu trắng, có phần lò xo được gắn với 02 chìa khóa của xe môtô biển số 37L1-331.20. 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52s 5G màu tím, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, viền màu đen, số Imei 1: 350346450332971, số Imei 2: 350895260332977, không gắn sim, đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 màu vàng, số Imei: 354075092673171, không gắn sim, đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu đen, số Imei 1: 355287000650253, số Imei 2: 355287000650261, gắn sim "0979113306", đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8800 màu vàng, số Imei:

358645010366425, gắn sim số "0366159163", đã qua sử dụng. 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028249, do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 21/3/2014 cho biển kiểm soát số 37L1-33120; do anh Võ Anh D, sinh năm: 1992, địa chỉ: X9, Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu, Nghệ An đứng tên chủ sở hữu. Số tiền 65.000.000 đồng từ Tăng Thị A nộp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an TP. Quy Nhơn ban hành Quyết định xử lý vật chứng trả lại: số tiền 100.000.000 đồng cho vợ chồng anh Lê Văn T, chị Trảo Thị Phương N; số tiền 53.865.000 đồng cho anh Tô Ngọc Sg, chị Văn Thị Tường V.

Về phần dân sự:

- Bị cáo Phạm Đức T đã bồi thường xong cho các bị hại tổng cộng số tiền 190.000.000 đồng; trong đó: số tiền 100.000.000 đồng cho cho vợ chồng anh Lê Văn T, chị Trảo Thị Phương N; số tiền 65.000.000 đồng anh Tô Ngọc S, chị Văn Thị Tường V và số tiền 25.000.000 đồng cho anh Lý Thế L, chị Huỳnh Thị Hồng H. Các bị hại không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì khác.

- Bị cáo Vũ Văn Q chưa bồi thường nên các bị hại yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường, cụ thể: Anh Lê Văn T, chị Trảo Thị Phương N yêu cầu bồi thường số tiền 100.000.000 đồng. Anh Tô Ngọc S, chị Văn Thị Tường V yêu cầu bồi thường số tiền 65.000.0000 đồng. Anh Lý Thế L, chị Huỳnh Thị Hồng H yêu cầu bồi thường số tiền 25.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 47/CT-VKSQN ngày 30 tháng 01 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố các bị cáo Phạm Đức T và Vũ Văn Q về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Đức T và bị cáo Vũ Văn Q về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", với tình tiết định khung hình phạt "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 09 đến 10 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 10 đến 11 năm tù.

- Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo Quý phải bồi thường cho bị hại: Anh Lê Văn T, chị Trảo Thị Phương

N số tiền 100.000.000 đồng. Anh Tô Ngọc S, chị Văn Thị Tường V số tiền 65.000.000 đồng. Anh Lý Thế L, chị Huỳnh Thị Hồng H số tiền 25.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Trả lại cho bị cáo Tâm: 01 chiếc nhẫn, 01 đồng hồ, 01 sợi dây chuyền, 01 vòng hạt đeo tay; vì đây là tài sản của bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

2. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 37L1-33120; 02 chìa khóa xe; Giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52s 5G; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8; 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 8800. Bị cáo T sử dụng các điện thoại, xe mô tô để làm phương tiện di chuyển và liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

3. Đề nghị chuyển số tiền 65.000.000 đồng do chị Tăng Thị A tự nguyện nộp đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Cam Lâm để giải quyết theo thẩm quyền; vì đây là số tiền bị cáo T thực hiện hành vi lừa đảo tại địa bàn huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

4. Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng do gia đình bị cáo Vũ Văn Q đã tự nguyện nộp để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo tự bào chữa: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không bào chữa gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình, làm công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn Quý và bị cáo Phạm Đức T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác

định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Q rủ rê, bàn bạc cụ thể với bị cáo T và phân công nhiệm vụ để cùng nhau nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của anh Lê Văn T vào ngày 20/3/2023 tại TP. Q, tỉnh B; số tiền 50.000.000 đồng của anh Lý Thế L vào ngày 17/10/2022 và số tiền 130.000.000 đồng của anh Tô Ngọc S vào ngày 19/3/2023 tại thị xã Đ, tỉnh P. Tổng số tiền các bị cáo T và Q đã chiếm đoạt là 380.000.000 đồng. Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh, bị cáo Q và bị cáo T là người có đầy đủ năng lực nhận thức để điều khiển hành vi của mình nên chắc chắn phải biết rõ điều đó, nhưng với ý thức xem thường pháp luật, tham lam, lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại số tiền 380.000.000 đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn truy tố bị cáo Q và bị cáo T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung hình phạt "Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, trị an ở địa phương nên cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Trong vụ án các bị cáo tham gia lừa đảo chiếm đoạt tài sản với vai trò đồng phạm, có sự câu kết chặt chẽ, cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội, xét vai trò của từng bị cáo thì thấy: Bị cáo Q tham gia trong vụ án với vai trò là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trực tiếp tìm kiếm và giao dịch với các bị hại nên hình phạt của bị cáo phải nghiêm khắc hơn bị cáo T. Bị cáo T khi được bị cáo Q rủ đi lừa đảo, bị cáo không can ngăn mà đồng ý tham gia tích cực. Do đó, Hội đồng xét xử phải xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội do từng bị cáo gây ra; cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thì thấy rằng:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân xấu. Về tình tiết tăng nặng: Quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo T và Q có sự phân công vai trò rõ ràng, có sự câu kết chặt chẽ với nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội; các bị cáo đã thực hiện 01 vụ lừa đảo tại địa bàn thành phố Quy Nhơn và 02 vụ tại địa bàn thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên nên phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội có tổ chức" và "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, gia đình các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, bị cáo Q sau khi bị truy nã đã tự nguyện "Đầu thú" nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo an tâm cải tạo tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ Luật hình sự, các bị cáo T, Q có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo khai không có nghề nghiệp và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về phần dân sự: Các bị cáo thừa nhận có hành vi lừa đảo và chiếm đoạt tiền của các bị hại: Anh Lê Văn T, chị Trảo Thị Phương N số tiền 200.000.000 đồng; anh Tô Ngọc S, chị Văn Thị Tường V số tiền 130.000.000 đồng; anh Lý Thế L, chị Huỳnh Thị Hồng H số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng 380.000.000 đồng, các bị cáo chia mỗi người ½ để tiêu xài cá nhân nên mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại số tiền tương ứng là 190.000.000 đồng.

- Trước khi mở phiên tòa, bị cáo Phạm Đức T đã bồi thường xong, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

- Bị cáo Vũ Văn Q chưa bồi thường cho các bị hại nên anh T, chị N yêu cầu bồi thường số tiền 100.000.000 đồng; anh S, chị V yêu cầu bồi thường số tiền 65.000.0000 đồng; anh L, chị H yêu cầu bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Q chấp nhận bồi thường số tiền này. Xét thấy yêu cầu bồi thường của các bị hại là có căn cứ nên buộc bị cáo Q phải bồi thường cho các bị hại số tiền trên.

[7] Về phần xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an Tp. Quy Nhơn đã tạm giữ:

01 USB hiệu KioXia màu trắng chứa 04 đoạn video được trích xuất từ Camera an ninh của Công an P. Nhơn Bình. 01 đĩa DVD, 05 hình ảnh kích thước 17,5x12,5cm (hình ảnh Phạm Đức T đang nhận tiền vào ngày 20/3/2023 do chị Trảo Thị Phương N chụp lại). 01 tờ Phiếu xuất kho màu hồng kích thước 17,5x15,5cm từ anh Lê Văn T. 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có gắn một hột đá màu đỏ hình chữ nhật mài cong, hai cạnh dài, hai bên thân nhẫn có gắn 04 viên đá màu trắng nhỏ. 01 đồng hồ mặt tròn, loại có 03 kim, màu trắng bạc, mặt đồng hồ màu đen, trên mặt có in dòng chữ Ttan dưới vị trí 12 giờ và dòng chữ WR50m trên vị trí 6 giờ, dây đồng hồ loại dây da màu đen. 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc, loại dây mắc xích hình số 8, có mặt dây chuyền hình lục giác có điêu khắc hoa văn viền ngoài, hai con rồng hai bên và một viên đá hình oval màu xanh ở giữa tâm, ở trên và ở dưới hột xanh có đính 02 viên đá màu trắng nhỏ. 01 vòng hạt đeo tay có 15 hạt bằng đá màu vàng-đen, có 02 hạt bằng kim loại màu vàng đánh vân, 01 hạt kim loại màu vàng lớn hơn có điêu khắc hình mặt giống người và chữ tượng hình. 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, biển số 37L1-33120, số máy: 5C6K-078428, số khung: ODY-

078417, gắn 02 gương chiếu hậu, loại niềng đúc 5 cây màu đen, hai phuộc sau được bọc trụ kim loại, bên ngoài màu trắng bạc đã qua sử dụng. 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028249, do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 21/3/2014 cho biển kiểm soát số 37L1-33120; do anh Võ Anh D, sinh năm: 1992, địa chỉ: X9, Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An đứng tên chủ sở hữu. 01 móc khóa bằng kim loại màu trắng, có phần lò xo được gắn với 02 chìa khóa của xe môtô biển số 37L1-331.20. 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52s 5G màu tím, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, viền màu đen, số Imei 1: 350346450332971, số Imei 2: 350895260332977, không gắn sim, đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 màu vàng, số Imei: 354075092673171, không gắn sim, đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu đen, số Imei 1: 355287000650253, số Imei 2: 355287000650261, gắn sim "0979113306", đã qua sử dụng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8800 màu vàng, số Imei: 358645010366425, gắn sim số "0366159163", đã qua sử dụng. Số tiền 65.000.000 đồng. Số tiền 5.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét:

- 01 USB hiệu KioXia, 01 đĩa DVD, 05 hình ảnh ghi lại hình ảnh đối tượng nghi vấn, 01 tờ Phiếu xuất kho là tài liệu chứng cứ nên lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 chiếc nhẫn, 01 đồng hồ, 01 sợi dây chuyền, 01 vòng hạt đeo tay. Đây là tài sản của bị cáo T nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 37L1-33120. Bị cáo T khai mua xe này tại tiệm bán xe cũ. Đây là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bị cáo; bị cáo sử dụng xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội là vật chứng của vụ án, xe có giá trị kinh tế nên tịch thu (kèm Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028249, 01 móc khóa gắn 02 chìa khóa) nộp ngân sách nhà nước.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52s 5G, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8, 01 điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8800. Bị cáo T sử dụng các điện thoại này để liên lạc qua lại và gọi điện đến các bị hại để thực hiện hành vi lừa đảo. Đây là tài sản được dùng vào việc phạm tội, có giá trị sử dụng nên tịch nộp sung vào ngân sách nhà nước, đối với sim của điện thoại thì tiêu hủy.

- Số tiền 65.000.000đ. Đây là số tiền bị cáo T lừa đảo có được, bị cáo chuyển về cho vợ chị Tăng Thị A; chị A tự nguyện giao nộp cho để khắc phục hậu quả. Trong đó số tiền 45.000.000 đồng nhận từ bị cáo T chuyển khoản đến vào ngày 17/3/2023 từ việc lừa đảo chị Lê Thị Mỹ T (sinh năm 1977; địa chỉ: thôn M, xã B, huyện D, tỉnh K) tại huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa; còn số tiền 20.000.000 đồng từ việc lừa đảo chị Châu Thị Thu H (sinh năm: 1968; nơi thường trú: Thôn L, xã C, huyện C, tỉnh K) tại huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Do đó, chuyển số tiền 65.000.000 đồng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa để giải quyết theo thẩm quyền.

- Ngày 26/3/2024 gia đình bị cáo Vũ Văn Q đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về vấn đề khác:

Đối với Tăng Thị Anh đã có hành vi nhận, giữ tiền do Tâm phạm tội mà có nhưng A không bàn bạc, thỏa thuận với T; không biết số tiền do T lừa đảo, chiếm đoạt của người khác nên A không phạm tội.

Đối với Trần Thị T đã có hành vi nhận, giữ tiền do Q phạm tội mà có nhưng T không bàn bạc, thỏa thuận với Q; không biết số tiền do Q lừa đảo, chiếm đoạt của người khác nên T không phạm tội.

[9] Về án phí:

Theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị cáo phải bồi thường thiệt hại 9.500.000 đồng [5% x (100.000.000 đồng + 65.000.000 đồng + 25.000.000 đồng)].

[10] Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 46; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng đối với bị cáo Phạm Đức T.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 46; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự. Áp dụng đối với bị cáo Vũ Văn Q.

Căn cứ vào Điều 89, Điều 106, 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T và bị cáo Vũ Văn Q phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 26/3/2023.

2.2 Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/10/2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Vũ Văn Q phải có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại: Anh Lê Văn T và chị Trảo Thị Phương N số tiền 100.000.000 đồng; anh Tô Ngọc S và chị Văn Thị Tường V số tiền 65.000.000 đồng; anh Lý Thế L, chị Huỳnh Thị Hồng H số tiền 25.000.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1 Trả lại tài sản: 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có gắn một hột đá màu đỏ hình chữ nhật mài cong, hai cạnh dài, hai bên thân nhẫn có gắn 04 viên đá màu trắng nhỏ, không đo trọng lượng và kích thước của nhẫn, không kiểm tra chất lượng của nhẫn. 01 đồng hồ mặt tròn, loại có 03 kim, màu trắng bạc, mặt đồng hồ màu đen, trên mặt có in dòng chữ Ttan dưới vị trí 12 giờ và dòng chữ WR50m trên vị trí 6 giờ, dây đồng hồ loại dây da màu đen. 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu bạc, loại dây mắc xích hình số 8, có mặt dây chuyền hình lục giác có điêu khắc hoa văn viền ngoài, hai con rồng hai bên và một viên đá hình oval màu xanh ở giữa tâm, ở trên và ở dưới hột xanh có đính 02 viên đá màu trắng nhỏ, không kiểm tra kích thước và chất lượng của dây chuyền. 01 vòng hạt đeo tay có 15 hạt bằng đá màu vàng-đen, có 02 hạt bằng kim loại màu vàng đánh vân, 01 hạt kim loại màu vàng lớn hơn có điêu khắc hình mặt giống người và chữ tượng hình (không xác định rõ hình gì và chữ gì) cho bị cáo Phạm Đức T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4.2 Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, biển số 37L1-33120, số máy: 5C6K-078428, số khung: ODY-078417, gắn 02 gương chiếu hậu, loại niềng đúc 5 cây màu đen, hai phuộc sau được bọc trụ kim loại, bên ngoài màu trắng bạc. 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 028249, do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 21/3/2014 cho biển kiểm soát số 37L1-33120; do ông Võ Anh D, sinh năm: 1992, địa chỉ: X9, Quỳnh Hoa, Quỳnh Lưu, Nghệ An đứng tên chủ sở hữu. 01 móc khóa bằng kim loại màu trắng, có phần lò xo được gắn với 02 chìa khóa của xe môtô biển số 37L1-331.20. Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52s 5G màu tím, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, viền màu đen, số Imei 1: 350346450332971, số Imei 2: 350895260332977, không gắn sim, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 8 màu vàng, số Imei: 354075092673171, không gắn sim, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Điện thoại di động không rõ nhãn hiệu màu đen, số Imei 1: 355287000650253, số Imei 2: 355287000650261, gắn sim "0979113306", đã qua

sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (đối với sim của điện thoại thì tiêu hủy). Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8800 màu vàng, số Imei: 358645010366425, gắn sim số "0366159163", đã qua sử dụng (đối với sim của điện thoại thì tiêu hủy). Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4.3 Chuyển số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa để giải quyết theo thẩm quyền (theo ủy nhiệm chi lập ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại số tài khoản 3949.0.1054089 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn).

4.4 Tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) do gia đình bị cáo Vũ Văn Q tự nguyện nộp để đảm bảo thi hành án (theo biên lai thu tiền số 0000065 ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Quy Nhơn).

5. Về án phí:

5.1 Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phạm Đức T và Vũ Văn Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5.2 Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Vũ Văn Q phải chịu 9.500.000 đồng (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ung Quang Định